ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05 /2023/QĐ-UBND	*Bình Thuận, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 146/TTr-STP ngày 21 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2023 và thay thế Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Báo Bình Thuận, Đài PT-TH Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC.Hữu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đoàn Anh Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Thuận
(Kèm theo Quyết định số 05 /2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm phối hợp và các điều kiện bảo đảm thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện);

c) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

3. Quy chế này không áp dụng trong việc rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

2. Việc phối hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật phải được thực hiện kịp thời, chủ động, khách quan, bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

3. Phân định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; đề cao trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương và năng lực thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức tham gia phối hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

4. Trường hợp văn bản được rà soát có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan thì cơ quan được giao chủ trì soạn thảo trước đây làm đầu mối thực hiện việc rà soát và tổng hợp kết quả rà soát của các cơ quan có liên quan để trình cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 3. Nội dung, hình thức phối hợp

1. Nội dung phối hợp

a) Rà soát thường xuyên văn bản quy phạm pháp luật; rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực; rà soát khi có yêu cầu, kiến nghị;

b) Tham mưu xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật;

c) Tham mưu thực hiện công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần định kỳ hàng năm.

d) Thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật định kỳ.

2. Hình thức phối hợp

a) Bằng văn bản;

b) Tổ chức họp;

c) Các hình thức phù hợp khác.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phối hợp xây dựng kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật hàng năm

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật hàng năm trên địa bàn tỉnh trước ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề.

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

2. Văn bản thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa của các cơ quan

a) Các văn bản do cơ quan được giao chủ trì soạn thảo;

b) Các văn bản do cơ quan khác chủ trì soạn thảo nhưng có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình.

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Trách nhiệm phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; thủ trưởng các cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân cùng cấp, Phòng Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

b) Văn bản thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

2. Trách nhiệm phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành. Công chức Tư pháp - Hộ tịch là người có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ này.

Điều 7. Quy trình phối hợp thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1. Các cơ quan có trách nhiệm rà soát được quy định tại khoản 1 Điều 5 và Điều 6 Quy chế này tổ chức thực hiện rà soát các văn bản ngay khi có căn cứ rà soát theo quy định tại Điều 142, Điều 145 và Điều 146 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung rà soát văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 147 và Điều 148 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Trường hợp văn bản được rà soát có quy định trái, mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản là căn cứ rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, cơ quan rà soát văn bản lập hồ sơ rà soát theo quy định tại Điều 152 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Đối với hồ sơ rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện, cơ quan chủ trì rà soát phải lấy ý kiến của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp về kết quả rà soát văn bản theo quy định tại Điều 153 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP trước khi trình kết quả rà soát văn bản đến Ủy ban nhân dân cùng cấp. Riêng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, ngoài việc lấy ý kiến của cơ quan tư pháp, cơ quan rà soát văn bản phải lấy ý kiến của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân cùng cấp để hoàn thiện kết quả rà soát văn bản.

Trường hợp văn bản được rà soát có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, thủ trưởng cơ quan chủ trì rà soát xem xét, tổ chức họp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để hoàn thiện kết quả rà soát văn bản.

3. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về kết quả rà soát, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm nghiên cứu, trả lời bằng văn bản. Trường hợp cần thêm thông tin hoặc văn bản có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực thì thời gian trả lời kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

Văn bản trả lời của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp phải nêu rõ nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do hoặc ý kiến khác đối với kết quả rà soát.

4. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, cơ quan rà soát nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân kiến nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xử lý kết quả rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân. Trường hợp còn ý kiến khác nhau thì phải giải trình rõ trong báo cáo kết quả rà soát văn bản, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc xử lý hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân xử lý kết quả rà soát.

Báo cáo kết quả rà soát đồng thời được gửi cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để theo dõi.

Điều 8. Phối hợp tham mưu xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1. Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được rà soát được cấp có thẩm quyền chỉ đạo xử lý theo các hình thức quy định tại Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật), các cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu xử lý phối hợp với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo văn bản trình cơ quan có thẩm quyền xử lý kết quả rà soát. Việc xây dựng văn bản để bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung văn bản được rà soát hoặc ban hành văn bản mới thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Trên cơ sở kết quả rà soát, nếu văn bản quy phạm pháp luật được rà soát hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần, cơ quan rà soát văn bản phải tổng hợp vào danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần theo Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân công bố

định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp lập "Sổ theo dõi văn bản quy phạm pháp luật được rà soát" để theo dõi việc rà soát và kết quả xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 9. Phối hợp rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân cùng cấp và các cơ quan liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp lập và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực trình báo cáo kết quả rà soát đến Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định tại Điều 162 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); đồng thời, gửi kết quả rà soát cho cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi.

Điều 10. Xử lý kiến nghị rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, công dân

1. Các cơ quan có trách nhiệm rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và Điều 6 Quy chế này có trách nhiệm xem xét, xử lý kiến nghị rà soát văn bản của cơ quan, tổ chức, công dân. Trường hợp kiến nghị liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình và có căn cứ để rà soát thì cơ quan nhận được kiến nghị phải thực hiện việc rà soát văn bản theo quy định và thông báo kết quả đến cơ quan, tổ chức, công dân đã gửi kiến nghị.

2. Nếu kiến nghị rà soát văn bản quy phạm pháp luật không thuộc trách nhiệm của cơ quan mình, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị phải chuyển kiến nghị đến cơ quan có trách nhiệm rà soát văn bản, đồng thời thông báo cho cơ quan, tổ chức, công dân đã kiến nghị rà soát văn bản.

Điều 11. Tham mưu công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần

1. Chậm nhất ngày 05 tháng 01 hàng năm, thủ trưởng cơ quan rà soát có trách nhiệm gửi danh mục các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần đã lập theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này về Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để tổng hợp.

2. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định công bố danh mục văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc trách nhiệm rà soát.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc trách nhiệm rà soát của mình chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hàng năm.

Điều 12. Phối hợp xây dựng kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo định kỳ

1. Định kỳ 05 năm, theo quy định tại Điều 164 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã có trách nhiệm chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Nội dung chính của kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 166 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm đôn đốc thực hiện kế hoạch; hướng dẫn các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã về nghiệp vụ hệ thống hóa văn bản.

Điều 13. Phối hợp tổ chức thực hiện kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo định kỳ

1. Căn cứ vào kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo định kỳ đã được Ủy ban nhân dân ban hành, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã làm đầu mối tổ chức triển khai thực hiện.

2. Các cơ quan, đơn vị thực hiện hệ thống hóa văn bản của cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện hệ thống hóa các văn bản thuộc trách nhiệm của cơ quan mình theo trình tự quy định tại Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) và gửi kết quả cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để tổng hợp.

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa của các cơ quan, đơn vị và tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp dự thảo báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Điều 14. Điều kiện đảm bảo cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

a) Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản của cơ quan, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị.

b) Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định của pháp luật.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí kinh phí phù hợp bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản.

2. Về tổ chức, biên chế thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

Thủ trưởng các cơ quan có trách nhiệm bố trí biên chế phù hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định tại Điều 173 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Trách nhiệm thực hiện báo cáo hàng năm

a) Hàng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác rà soát văn bản thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan, địa phương mình gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp kết quả rà soát văn bản của cấp xã vào báo cáo kết quả rà soát văn bản của cấp huyện.

b) Sở Tư pháp tổng hợp kết quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản trên địa bàn tỉnh từ các sở, ban, ngành và các địa phương để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

2. Thời hạn gửi báo cáo và thời điểm lấy số liệu báo cáo hàng năm về công tác rà soát được thực hiện theo quy định của Bộ Tư pháp và theo yêu cầu của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

3. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

4. Trong trường hợp có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, các đơn vị thực hiện việc báo cáo đột xuất theo hướng dẫn của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định của pháp luật và theo Quy chế này tại cơ quan, địa phương mình.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn;

b) Thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan mình.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.